

**Phụ biểu 1: Quy mô hỗ trợ trồng rừng trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng năm 2021 của HĐND huyện)

STT	Xã	Diện tích Đăng ký trồng rừng năm 2021 (ha)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
1	Đắk Hà	37	405,150,000
2	Đắk Na	35	383,250,000
3	Đắk Rơ Ông	30	328,500,000
4	Đắk Sao	28	306,600,000
5	Đắk Tờ Kan	37	405,150,000
6	Măng Ri	25	273,750,000
7	Ngok Lây	30	328,500,000
8	Ngok Yêu	35	383,250,000
9	Tê Xăng	26	284,700,000
10	Tu Mơ Rông	35	383,250,000
11	Văn Xuôi	30	328,500,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>348</b>	<b>3,810,600,000</b>

Kinh phí hỗ trợ bao gồm:

- +Đối với kinh phí hỗ trợ 10 triệu đồng/ha
- +Chi phí cho công tác khuyến lâm 500.000 đồng/ha/4 năm
- +Chi phí khảo sát, thiết kế, ký kết hợp đồng trồng rừng: 300.000/ha đồng/ha
- + Chi phí số hóa bản đồ và lập dự án trồng rừng: 150.000 đồng/ha

**1g.**

*n Tu Mơ Rông)*

<b>Dự kiến loại cây trồng</b>
Cây thông, sơn tra, mắc ca, keo, bạch đàn ....

**Phụ biểu 2: Nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ trồng rừng năm 2022**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng năm 2021 của HĐND huyện)

<b>STT</b>	<b>Nội dung hỗ trợ</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Định mức hỗ trợ</b>
1	Chi phí trồng rừng	348	10,000,000
2	Chi phí cho công tác khuyến lâm	348	500,000
3	Chi phí số hóa bản đồ và lập dự án trồng rừng	348	150,000
4	Chi phí khảo sát, thiết kế, ký kết hợp đồng trồng rừng	348	300,000
<b>Tổng cộng</b>			

2

ện Tư Mơ Rông)

<b>Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)</b>
3,480,000,000
174,000,000
52,200,000
104,400,000
<b>3,810,600,000</b>